

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/DS-ST

Ngày: 24 - 10 - 2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng góp họ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Xuân Lợi

2. Bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quang Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLST-TCDS ngày 10/8/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp họ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-TCDS ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. *Bị đơn:*

Ông Lê Quốc N, sinh năm 1970; Nơi ĐKKHKT: thôn D1, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Bà Trần Thị Hồng M, sinh năm 1961; Nơi ĐKKHKT: thôn D2, xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa có mặt các bên đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên giữa bà Phạm Thị H và ông Lê Quốc N, bà Trần Thị Hồng M có thỏa thuận chơi họ có tính lãi, việc chơi họ đã kéo dài nhiều năm và đến kỳ mở họ thì ông N hoặc bà M mang tiền gốc và lãi đến cho bà. Hàng ngày ông N hoặc bà M đi thu tại chợ theo hình thức thu ngày và thu tháng. Theo đó, từ ngày 21/11/2015 (âm lịch) đến 20/3/2016 (âm lịch) là 04 tháng, mỗi ngày bà H đã nộp cho ông N và bà M 100.000 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi mà ông N và bà M còn nợ bà H là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.300.000 đồng. Đến ngày 20/3/2016, ông N và bà M tuyên bố vỡ họ và không trả lại số tiền cho bà H.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Quốc N, bà Trần Thị Hồng M phải thanh toán cho bà H một lần với tổng số tiền gốc còn nợ là 10.700.000 đồng, bà H không yêu cầu ông N và bà M phải trả 1.300.000 tiền lãi.

- Tại bản tự khai ngày 11/9/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị Hồng M và ông Lê Quốc N trình bày:

Ông N và bà M thừa nhận là do có mối quan hệ quen biết từ trước nên giữa ông bà và bà Phạm Thị H có thỏa thuận chơi họ có tính lãi. Từ ngày 21/11/2015 (âm lịch) đến 20/3/2016 (âm lịch) bà H đã đóng tổng cộng 01 ông họ cho ông bà, mỗi ngày đóng 100.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông bà còn nợ bà H đã đóng cho ông bà là 10.700.000 đồng theo đúng giấy tờ mà bà H đã cung cấp cho Tòa án.

Do ông N và bà M trình bày đang gặp hoàn cảnh khó khăn, do bị vỡ họ nên không có khả năng thanh toán một lần số tiền 10.700.000 đồng mà xin bà H cho ông bà được trả dần.

Ông N và bà M thừa nhận sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2007 nH không có đăng ký kết hôn.

Ngày 20/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q kết quả thể hiện: Tại hồ sơ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Q không thể hiện việc đăng ký kết hôn giữa ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán cũng như của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến quá trình xét xử đều thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, 51, 70, 71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch

không có kiến nghị đối với vụ án này. Về nội dung vụ án: áp dụng Điều 479, Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2005, buộc ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ họ 10.700.000 đồng cho bà Phạm Thị H. Ông N và bà M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Trần Thị Hồng M có nơi cư trú tại thôn D1, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và ông Lê Quốc N có nơi cư trú tại thôn D2, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Bà bà Phạm Thị H yêu cầu ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M trả cho bà số tiền họ là 10.700.000 đồng do vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng góp họ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật dân sự 2005.

[2] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị H về việc buộc ông N và bà M thanh toán số tiền họ là 10.700.000 đồng: Giữa ông N, bà M và bà bà Phạm Thị H đã phát sinh giao dịch dân sự góp họ, ông N bà M là chủ họ, bà H là thành viên tham gia. Việc thỏa thuận hợp đồng góp họ giữa hai bên tuy không có xác lập bằng văn bản nH có giấy biên nhận giao họ và tại bản tự khai, biên bản hòa giải của Tòa án ông N và bà M đều xác nhận hiện nay còn nợ bà H số tiền họ là 10.700.000 đồng. Do các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng dân sự góp họ, cụ thể là họ có lỗi nên theo quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 17 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về Họ, họ, hiệu, phường ông N và bà M là chủ họ đã vi phạm nghĩa vụ và theo quy định tại Điều 15, 29 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP thì ông N và bà M là chủ họ phải có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền họ còn nợ là 10.700.000 đồng. Do bà H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M thừa nhận sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2007 nH theo biên bản xác minh ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch tại Ủy ban nhân dân xã Q thể hiện ông N và bà M không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, ông N và bà M phải chịu nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà H đối với khoản nợ 10.700.000 đồng theo Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2005. Theo đó, ông N

và bà M mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà H số tiền là 5.350.000 *đồng* (năm triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng);

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M phải liên đới chịu toàn bộ án phí vụ án. Ông N và bà M mỗi người chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Xét ông N và bà M có đơn xin giảm án phí, đơn trình bày có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và gặp sự kiện bất khả kháng có xác nhận của UBND xã Q nên áp dụng Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giảm 50% mức án phí mà ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M phải chịu. Như vậy, ông N và bà M mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35, 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 479, Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Khoản 1 Điều 13, Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Buộc ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị H số tiền nợ họ 10.700.000 đồng, theo phần mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị H số tiền là 5.350.000 *đồng* (năm triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng);

Kể từ ngày bà Phạm Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho bà Phạm Thị H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo biên lai số 0001033 ngày 08/8/2018.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/10/2018).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

